

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa
chị H U và anh Y K”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chiu;
2. Bà Hà Thị Thủy.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bách - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2024, về “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/01/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H U, sinh năm 1996, địa chỉ: Buôn S, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Y K, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Buôn S, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị H U trình bày nội dung như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H U và anh Y K là vợ chồng chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/9/2014. Sau khi kết hôn hai người sống chung với nhau tại buôn S, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai người không hợp nhau về tính cách và phong tục tập quán, mặt

khác anh Y K không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ con, năm 2020 chị H U đi làm công nhân ở Bình Phước nên xảy ra mâu thuẫn nhiều hơn và chính thức sống ly thân từ tháng 2/2024 cho đến nay, hai gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không muốn tiếp tục sống chung với anh Y K nữa nên chị H U yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Y K.

- Về con chung: Chị H U xác định quá trình chung sống chị H Uôn và anh Y K có 01 con chung là Y N, sinh ngày 23/4/2015. Hiện tại con chung đang do chị H U chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác, nếu sau khi chị H U và anh Y K ly hôn thì chị có nguyện vọng được chăm sóc con chung đến đủ tuổi thành niên. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H U xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại địa phương chị thuộc trường hợp người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nhưng hiểu được, nói được và viết được tiếng Việt phổ thông nên không yêu cầu người phiên dịch và trợ giúp pháp lý.

*** Đối với bị đơn anh Y K:**

Quá trình giải quyết tranh chấp, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo và triệu tập hợp lệ cho anh Y K tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh Y K đều vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi gì về việc chị H U yêu cầu ly hôn, phiên tòa lần thứ hai vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

* Theo biên bản xác minh ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại buôn S, xã E, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H U, sinh năm 1996 và anh Y K, sinh năm 1992, cùng địa chỉ: Buôn S, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/9/2014 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai người chuyển đến chung sống với nhau tại buôn S, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có những lúc xảy ra xô xát. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Y K không quan tâm đến gia đình, vợ con, hiện tại hai người sống ly thân, anh Y K chuyển về gia đình bố mẹ đẻ ở xã N sinh sống nhưng vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương xã E, còn chị H U đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương. Công việc của hai người chủ yếu lao động tự do, đủ đáp ứng cuộc sống hằng ngày và nuôi con chung.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H U và anh Y K có 01 con chung là Y N, sinh ngày 23/4/2015. Hiện tại con chung đang do chị H U chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác. Qua việc lấy ý kiến của con chung là cháu Y N tại địa phương thì nếu sau khi chị H U và anh Y K ly hôn thì cháu Y N có nguyện vọng được ở với chị H U đến đủ tuổi thành niên và không có yêu cầu gì.

* Theo biên bản xác minh ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại thôn 4, xã N, huyện L, tỉnh Đắk Lắk có nội dung như sau:

Anh Y K, sinh năm 1992 và chị H U, sinh năm 1996 cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại buôn S, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/9/2014 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai người chuyển đến chung sống với nhau tại buôn S, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nhưng do mâu thuẫn vợ chồng nên tháng 4/2024 anh Y K chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 04, xã N để sinh sống. Đến tháng 10/2024 anh Y K đã chuyển về xã E, huyện L sinh sống lại cùng vợ con. Hiện tại, anh Y K không sinh sống tại xã N, anh Y K đi làm thuê, hàng tháng anh Y K vẫn về xã E thăm vợ con và cũng về xã N thăm gia đình, anh Y K thường ở một đến hai ngày rồi đi làm lại.

* Theo căn cước công dân số 066092006556 cấp ngày 27/12/2021 đối với anh Y Kla Bkrông xác định anh Y K, sinh ngày 20/02/1992, đăng ký thường trú tại buôn S, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

*** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk phát biểu:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử (viết HĐXX), Thẩm phán và Thư ký: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, HĐXX, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về thời hạn xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự và gửi cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203; Điều 170 đến 175, Điều 177 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng theo Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn và có nguyện vọng ly hôn. Bị đơn đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, không có ý kiến phản hồi gì, phiên tòa lần hai tiếp tục vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó đề nghị HĐXX áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn theo hướng chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung là Y N, sinh ngày 23/4/2015 cho chị H U có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến đủ tuổi thành niên. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị H U yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Y K là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Y K đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản và triệu tập tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng đều vắng mặt không có ý kiến phản hồi gì. Tại phiên tòa lần hai tiếp tục vắng mặt không có lý do, vi phạm quyền, nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng Dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX thực hiện việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H U và anh Y K chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/9/2014 là đúng thực tế vì quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn xuất trình và cung cấp giấy chứng nhận kết hôn bản chính do Ủy ban nhân dân xã E cấp, mặt khác chính quyền địa phương cũng xác nhận sự việc này tại biên bản xác minh ngày 10/12/2024. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, sau khi kết hôn hai người sống chung với nhau tại buôn S, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nhưng hiện nay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách hai người không hợp nhau, anh Y K không quan tâm cuộc sống gia đình, vợ con, làm cho tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Do đó chị H U có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Y K là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.1] Quá trình giải quyết việc tranh chấp, Tòa án đã phân tích, hòa giải chị H U về đoàn tụ gia đình nhưng vẫn không thay đổi, kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn. Còn đối với anh Y K không tham gia tố tụng nhưng cũng không có ý kiến phản hồi gì về việc chị H U khởi kiện ly hôn và cũng không thể hiện thiện chí của sự níu kéo, động viên, khuyên bảo chị H U thay đổi, không tham gia tố tụng, vắng mặt tại các phiên tòa không có ý kiến phản hồi gì. HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng không thể cải thiện, mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được, chị H U và anh Y K vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị H U và đề nghị của Kiểm sát viên, giải quyết cho chị H U ly hôn anh Y K.

[3.2] Về con chung: Chị H U xác định quá trình chung sống với anh Y K, hai người có 01 con chung là Y N, sinh ngày 23/4/2015 là có căn cứ vì chính quyền địa phương cũng xác nhận sự việc này tại biên bản xác minh ngày 10/12/2024 và những thông tin trên các tài liệu, chứng cứ mà đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án. Nay ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung đến đủ tuổi thành niên, HĐXX xét thấy quá trình giải quyết việc tranh chấp anh Y K không có ý kiến phản hồi gì, hiện tại con chung đang do chị H U chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác, chị H U là người có

đủ năng lực trách nhiệm về dân sự, có khả năng lao động để tạo ra nguồn thu nhập, đảm bảo việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung. Do đó để đảm bảo sự phát triển ổn định và duy trì cuộc sống lâu dài của con chung, HĐXX quyết định giao con chung cho chị H U có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tiền tạm ứng án phí và án phí: Chị H U là người nộp đơn khởi kiện giải quyết việc ly hôn nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật, nhưng thuộc trường hợp người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí trước khi thụ lý vụ án và tiền án phí về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 227; 228; 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 58 luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí của Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H U ly hôn anh Y K.

2. Về con chung: Chị H U và anh Y K có 01 con chung là Y N, sinh ngày 23/4/2015

- Giao con chung Y N, sinh ngày 23/4/2015 cho chị H U có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

- Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Sau khi ly hôn anh Y K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị H U. Anh Y K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về tiền tạm ứng án phí: Chị H U thuộc trường hợp người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn đã được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí trước khi thụ lý vụ án nên không xem xét.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- UBND xã E, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Cường